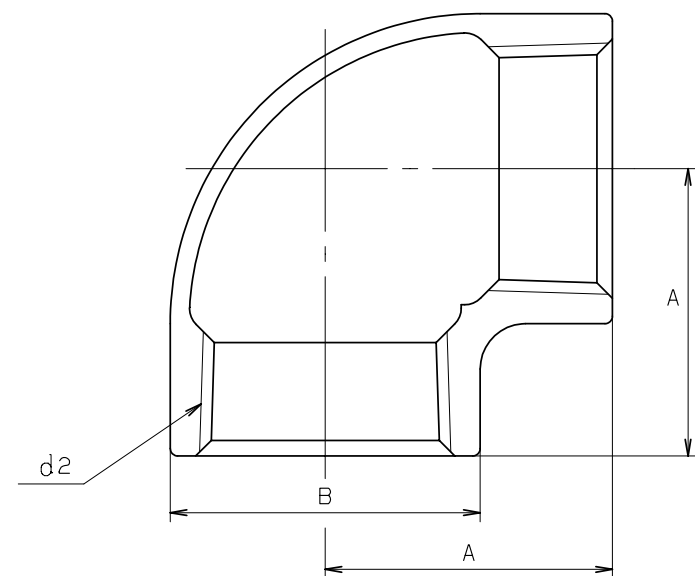




寸法表 単位: mm

呼び径	d2	A	B	
1/8	Rc 1/8	17	15	
1/4	Rc 1/4	19	19	
3/8	Rc 3/8	23	23	
1/2	Rc 1/2	27	27	
3/4	Rc 3/4	32	33	
1	Rc 1	38	41	

[illegible]